

Bản án số: **81/2021/DS-PT**

Ngày: 21 - 6 - 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sự.

Các Thẩm phán:

Bà Hà Thị Thanh Nữ

Ông Trần Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Vũ Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Lê Hồng Thư - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 101a/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Bùi Anh T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Quốc lộ A, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Đỗ Cao K, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Chung cư D, phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Bà Thái Thị Hồng S, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Khu phố F, phường G, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đỗ Cao K:

Ông **Đỗ Công H**, sinh năm: 1967 và bà **Vũ Lệ Diễm H1**, sinh năm: 1967.

Cùng địa chỉ: Chung cư D, phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 10 năm 2020)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Đỗ Cao K:

Bà **Nguyễn Ngọc T1** và bà **Nguyễn Thị T2** – Luật sư Công ty Luật TNHH Hai thành viên trở lên V, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Thái Thị Hồng S:

Bà **Nguyễn Thị T2** – Luật sư Công ty Luật TNHH Hai thành viên trở lên V, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Hoàng Cao Đ**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Khu phố H, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

3.2. Bà **Phạm Thị Kim D**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu phố I, phường J, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Bùi Anh T, bị đơn ông Đỗ Cao K.

(Ông T, ông H, bà H1, ông Đ, bà D, bà T2, bà T1 có mặt, bà S vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Bùi Anh T trình bày:

Ông và ông Đỗ Cao K có quen biết nhau từ năm 2014. Khoảng tháng 6 năm 2017, ông K có nói với ông: “Bên em đang kinh doanh mua bán xe nhập khẩu và có liên kết với Ngân hàng làm đảo hạn cho khách hàng khi nào cần tiền em sẽ điện thoại cho anh để anh em mình cùng hợp tác làm ăn”. Tin lời ông K, ông đã đưa cho ông K số tiền 200.000.000 đồng để ông K mua xe ô tô Honda Accord, biển số 51F – 98XXX của ông C chủ gồm sứ M. Sau khi bán được chiếc xe thì ông K có trả lại ông đầy đủ số tiền 200.000.000 đồng. Tin tưởng vào cách làm ăn của ông K nên sau đó một thời gian khi ông K điện thoại nói với ông đang cần tiền mua lại chiếc xe Mercedes của T thì ông nói: “nếu em làm ăn đàng hoàng như lần trước thì anh sẽ hợp tác”. Để tạo thêm niềm tin ông K cho ông xem những hình ảnh về chiếc xe cần mua và nói thêm: “Nếu anh tin tưởng em thì đầu tư góp tiền vào việc mua bán xe, chứ để em gọi anh hoài cũng ngại”. Thấy những thông tin do ông K cung cấp nên ông đã tin tưởng cho ông K, bà S vay cụ thể như sau:

- Ngày 10 tháng 8 năm 2017, ông chuyển khoản cho vợ ông K là bà Thái Thị Hồng S tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa với số tiền là 163.000.000 đồng, đối với khoản vay này thì không tính lãi, thời hạn vay trong vòng 04 ngày kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2017. Tuy nhiên, đến nay ông K, bà S không trả cho ông đồng nào kể cả gốc và lãi.

- Ngày 23 tháng 8 năm 2017, ông cho ông K vay số tiền 300.000.000 đồng, đưa trực tiếp không làm giấy tờ gì, lãi suất các bên thỏa thuận là 5%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2017. Tuy nhiên, cho đến nay ông vẫn chưa nhận được đồng tiền lãi và gốc nào của ông K, bà S.

- Ngày 05 tháng 9 năm 2017, ông K nói với ông là cần đáo hạn với số tiền là 500.000.000 đồng và đề nghị ông đưa tiền cho ông K để làm thủ tục đáo hạn. Số tiền này ông có nhờ ông Hoàng Cao Đ đưa trực tiếp cho ông K, khoản vay này không tính lãi, ông K hẹn sẽ trả lại số tiền này cho ông vào tháng 3 năm 2018. Đến nay, ông K và bà S vẫn chưa trả cho ông đồng nào.

- Ngày 30 tháng 10 năm 2017, tại chung cư Thanh Bình ông có đưa trực tiếp cho ông K số tiền 1.000.000.000 đồng, không làm giấy tờ gì, không tính lãi, thời hạn vay là 03 tháng. Đến nay, ông K và bà S vẫn không trả cho ông đồng nào.

- Ngày 17 tháng 01 năm 2018, ông có đưa số tiền 160.000.000 đồng nhờ bà Phạm Thị Kim D ra Ngân hàng sai gòn thương tín – Chi nhánh Đồng Nai chuyển vào tài khoản của ông K, thời hạn vay là 02 ngày, lãi suất tính là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Tuy nhiên, tính đến nay ông K và bà S không trả cho ông bất kỳ khoản nợ gốc và lãi nào.

Nay, ông yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Đỗ Cao K và bà Thái Thị Hồng S phải trả đủ cho ông số tiền nợ gốc là đã vay là 2.123.000.000 đồng, yêu cầu bà S, ông K phải trả tiền lãi suất chậm trả quá hạn theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 5 năm 2018 là 02 tháng với số tiền 47.947.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đó, ông T không yêu cầu ông K, bà S phải trả khoản tiền 300.000.000 đồng và khoản tiền 1.000.000.000 đồng. Đối với phần lãi suất đề nghị Hội đồng xét xử tính theo lãi suất quá hạn của Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/ năm. Cụ thể số tiền lãi là $0,75\% \times 823.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 12.345.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi là 835.345.000 đồng. Trong đó, nợ gốc là 823.000.000 đồng, nợ lãi là 12.345.000 đồng.

Bị đơn ông Đỗ Cao K trình bày:

Năm 2016, ông có vay của ông T một khoản tiền để làm ăn, ông không nhớ vay bao nhiêu tiền vì chỉ vay thời gian ngắn rồi trả. Việc vay mượn này chỉ thỏa thuận với nhau bằng lời nói không làm giấy tờ gì, nhưng ông đã trả đủ cả gốc và lãi, việc trả tiền cũng không làm giấy tờ gì.

Tháng 5 năm 2018, ông T kiện ông và bà S ra Tòa yêu cầu ông và bà S trả tiền nợ gốc đã vay là 2.123.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả quá hạn theo

lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 5 năm 2018 là 02 tháng với số tiền lãi là 47.947.000 đồng. Ông và bà S không biết căn cứ vào đâu để ông T yêu cầu ông và bà S phải trả số tiền nợ gốc nêu trên, khi giữa ông, bà S và ông T không có một biên nhận hay giấy vay mượn nào mà việc vay mượn giữa các bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói và đưa tiền trực tiếp bằng tiền mặt với nhau, rất ít khoản vay được chuyển khoản. Các lần vay tiền của ông T thì ông và bà S đã trả gốc và lãi bằng hình thức trả trực tiếp tiền mặt và một phần chuyển khoản.

Theo chứng cứ ông T cung cấp thể hiện ngày 10 tháng 8 năm 2017 ông T chuyển vào tài khoản của bà S 163.000.000 đồng, Ngày 17 tháng 01 năm 2018 ông T chuyển vào tài khoản của ông số tiền 160.000.000 đồng, ông T cho rằng chuyển tiền mua xe Mecceder của T. Đây là điều vô lý bởi vì thực chất chiếc xe này ông mua và đứng tên ngày 19 tháng 9 năm 2017.

Ông cho rằng nếu ông T cho ông vay nhiều lần nhưng không trả thì làm sao ông T có thể cho ông tiếp tục vay tiền. Ông và bà S vay tiền của ông T làm ăn, việc giao nhận tiền là trực tiếp bằng tiền mặt, không có giấy tờ, không có biên nhận. Ông và bà S cũng đã thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi cho ông T bằng chuyển khoản và tiền mặt. Đồng thời, nhiều lúc ông T cũng vay tiền của ông và bà S. Những chứng cứ ông T cung cấp cho Tòa án không khách quan, mơ hồ. Bởi những tin nhắn đó có thể sao lưu, chỉnh sửa được. Ngoài ra, những tin nhắn này chỉ trao đổi đặt vấn đề về mượn tiền, thực tế có những khoản ông và bà S không vay của ông T. Nay ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T.

Bị đơn bà Thái Thị Hồng S trình bày:

Khoảng tháng 6 năm 2017, bà bắt đầu quen biết ông T vì nghĩ đó là bạn của chồng nên nhiều lần ông T qua nhà chơi bà vẫn tiếp chuyện. Sau đó, ông T có đến nhà bà lấy tiền nhiều lần với số tiền 100.000.000 đồng, 50.000.000 đồng, 20.000.000 đồng do chính tay bà đưa. Nhiều lần bà có thắc mắc hỏi ông T thì ông T có nói là tiền ông T với ông K làm ăn. Khoảng 01 năm sau, bà bán hết tài sản cá nhân của bà và đưa hết cho ông T. Bà thắc mắc gặng hỏi và cho rằng ông T là người không tốt nên không cho ông K qua lại với ông T. Ông T lấy rất nhiều tiền từ bà nhưng chỉ chuyển khoản rải rác cho bà vài lần khoảng 50.000.000 đồng, 20.000.000 đồng, 10.000.000 đồng.

Tháng 4 năm 2018, sau khi không cho ông K qua lại với ông T thì ông T đã nhắn tin cho bà thông báo bà có nợ ông T số tiền 1.600.000.000 đồng, trong khi bà không hề vay mượn ông T. Bà đã bán hết tài sản để đưa cho ông T vì ông T lừa dối bà là tiền làm ăn. Nay, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim D trình bày:

Vào ngày 17 tháng 01 năm 2018, ông T có đưa cho bà số tiền 160.000.000 đồng tiền mặt nhờ chuyển vào tài khoản của ông K tại Ngân hàng Sacombank, địa chỉ: Khu phố I, phường E, Biên Hòa, Đồng Nai. Vì ông T có nói đi công việc nên nhờ bà chuyển khoản cho ông K để ông K làm đáo hạn cho khách, số tài khoản của ông K là 050019898XXX. Bà có ghi nội dung trên giấy chuyển tiền là chuyển tiền cho P1 làm đáo hạn vì tên thường gọi ở nhà của ông K là P1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Cao Đ trình bày:

Khoảng ngày 05 tháng 9 năm 2017 vào buổi sáng, ông T có đến nhà ông và đưa cho ông số tiền 500.000.000 đồng để trong túi màu đen. Ông T nói nhờ chú đưa cho K dùm con. Đến khoảng trưa thì ông K lại lấy, ông có nói ông K là gọi điện thoại lại cho ông T, sau đó ông T nói với tôi cứ đưa số tiền đó cho ông K, ông K mở túi tiền ra và ông có nói ông K là đếm lại nhưng ông K chỉ đếm đúng 10 cọc, mệnh giá mỗi cọc là 50.000.000 đồng, mệnh giá mỗi tờ là 500.000 đồng, ông K đã nhận đủ số tiền này.

Tại Bản án sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã quyết định:

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Anh T đối với bị đơn ông Đỗ Cao K và bà Thái Thị Hồng S về số tiền 300.000.000 đồng vay ngày 23 tháng 8 năm 2017 và số tiền 1.000.000.000 đồng vay ngày 30 tháng 10 năm 2017.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Anh T đối với bị đơn ông Đỗ Cao K, bà Thái Thị Hồng S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Cao Đ, bà Phạm Thị Kim D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Đỗ Cao K và bà Thái Thị Hồng S phải trả cho ông Bùi Anh T tổng số tiền nợ là 835.345.000 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 823.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 12.345.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, bị đơn Đỗ Cao K kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể là xác định sai tư cách tố tụng của ông Đ và bà D, không thông báo phiên công khai chứng cứ, hòa giải cho Luật sư của bị đơn để tham dự, đánh giá chứng cứ không khách quan.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, nguyên đơn ông Bùi Anh T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu tính lãi quá hạn đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về đường lối giải quyết:

Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn ông T khai việc đã chuyển khoản cho bà S số tiền 165.000.000 đồng, nhờ bà Phạm Thị Kim D chuyển khoản cho ông K số tiền 165.000.000 đồng và nhờ ông Hoàng Cao Đ đưa cho ông K số tiền 500.000.000 đồng. Việc này được bà D và ông Đ thừa nhận. Phía bị đơn ông K cho rằng đã thanh toán xong các khoản vay 160.000.000 đồng và 165.000.000 đồng thông qua việc cung cấp bản sao kê của Ngân hàng thể hiện chuyển tiền nhiều lần vào tài khoản của ông T. Ông T xác định có việc chuyển tiền nhưng cho rằng ông K thanh toán cho nhiều khoản vay khác. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa yêu cầu ông T chứng minh các khoản vay đó là khoản vay nào. Đồng thời lời khai của ông Hoàng Cao Đ mâu thuẫn về thời điểm giao tiền cho ông K nhưng chưa được đối chất làm rõ là vi phạm khoản 1 Điều 100 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn còn cung cấp các tin nhắn qua ứng dụng Viber nhưng bị đơn cho rằng tin nhắn có thể bị chỉnh sửa, cấp sơ thẩm chưa hỏi cơ quan chuyên môn về việc tin nhắn trên Viber có sao lưu chỉnh sửa được hay không.

Từ các phân tích trên, Kiểm sát viên đề nghị hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết lại do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thu thập chứng cứ, dẫn đến đường lối xét xử chưa vững chắc.

Phát biểu tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách tố tụng của ông Đ, bà D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng; lời khai của các đương sự mâu thuẫn về thời gian cho vay, chủ thể giao tiền nhưng không được đối chất làm rõ; thủ tục tổng đạt Thông báo kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho Luật sư Thúy không hợp lệ.

Về nội dung vụ án: Đối với khoản vay 160.000.000 đồng, ông K đã thanh toán đủ cho ông T thông qua việc chuyển trả 195.000.000 đồng. Đối với khoản vay 163.000.000 đồng, ông K đã thanh toán xong cho ông T thông qua việc chuyển tiền 09 lần tại Ngân hàng Sacombank. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định ông K chưa thanh toán tiền cho ông T là không đúng và ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn.

Về số tiền 500.000.000 đồng từ lời khai của ông T, ông Đ trước sau mâu thuẫn, giữa các bên không có giấy tờ thể hiện việc vay tiền. Vi bằng số 64/2021

ngày 28 tháng 4 năm 2021 chỉ xác định các nội dung thể hiện trên màn hình điện thoại của ông K, không có tài liệu gốc để đối chiếu.

Từ các lập luận trên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ lại cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Bùi Anh T, ông Đỗ Cao K được thực hiện trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí nên được thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa, các bên đương sự giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn ông T nộp thêm chứng cứ là vi bằng số 64/2021 ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Văn phòng thừa phát lại Biên Hòa có nội dung trao đổi giữa nguyên đơn và bị đơn ông K thông qua ứng dụng Viber và bản ghi âm cuộc trao đổi ngày 18 tháng 5 năm 2018 giữa ông Bùi Anh T với vợ chồng ông Đỗ Công H bà Vũ Lệ Diễm H1 (cha mẹ ruột của ông Đỗ Cao K). Nguyên đơn khai nại đã nộp 1 số bản chụp màn hình cho Tòa án cấp sơ thẩm, nhưng do không am hiểu quy định pháp luật và cũng không được cấp sơ thẩm yêu cầu nên không thực hiện việc lập vi bằng toàn bộ nội dung trao đổi giữa các bên thông qua ứng dụng Viber để làm chứng cứ. Xét nội dung ghi nhận tại Vi bằng trên có nhiều tình tiết mới chưa được xem xét tại cấp sơ thẩm, như vậy đây là chứng cứ được đương sự cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm.

[2] Về người tham gia phiên tòa:

Bị đơn bà Thái Thị Hồng S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

[3] Xét nội dung kháng cáo:

[3.1] Về tư cách tố tụng:

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, Tòa án cấp sơ thẩm bổ sung các đương sự Hoàng Cao Đ, Phạm Thị Kim D tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét thấy qua trình bày của nguyên đơn, bị đơn và của chính ông Đ, bà D thì ông Đ, bà D chỉ là người thực hiện chuyển tiền cho bị đơn theo yêu cầu của nguyên đơn, do đó chỉ là người làm chứng trong vụ kiện, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định các đương sự này là người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan là chưa phù hợp. Sai sót trên không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nhưng cấp sơ thẩm cần lưu ý, rút kinh nghiệm.

[3.2] Về nội dung tranh chấp:

Qua lời khai của các đương sự tại phiên tòa, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch vay mượn tiền giữa ông Bùi Anh T và ông Đỗ Cao K là có thật, các bên thực hiện nhiều lần việc vay mượn tiền, thanh toán tiền gốc, trả lãi kéo dài từ năm 2017 đến năm 2018. Ngoài các khoản vay nguyên đơn khởi kiện thì các bên còn một số lần giao dịch vay tiền khác.

Cùng với việc phủ nhận khoản vay 500.000.000 đồng, phía bị đơn xác định đã thanh toán xong các khoản vay 160.000.000 đồng, khoản vay 163.000.000 đồng thông qua việc chuyển khoản tại Ngân hàng với tổng số tiền 501.500.000 đồng, cụ thể: Ngày 23 và 24 tháng 01 năm 2018, chuyển 03 lần tổng cộng 195.000.000 đồng để thanh toán cho khoản vay 160.000.000 đồng ngày 17 tháng 01 năm 2018; chuyển khoản 11 lần trong năm 2017, năm 2018 tổng cộng 306.500.000 đồng để thanh toán cho khoản vay 163.000.000 đồng ngày 10 tháng 8 năm 2017.

Xét bản sao kê tại Ngân hàng Sacombank (bút lục số 379-384) cho thấy có việc chuyển tiền từ bị đơn ông K tài khoản số 050019898XXX của ngân hàng Sacombank đến tài khoản số 67910000125XXX tại Ngân hàng BIDV của ông T như bị đơn khai nại. Tuy nhiên, mục đích chuyển tiền không thể hiện cụ thể là thanh toán cho khoản vay nào. Tại phiên tòa, phía bị đơn cũng cho biết đã có yêu cầu nhưng Ngân hàng Sacombank xác định không thể cung cấp thêm được thông tin nào khác. Phía nguyên đơn ông Bùi Anh T thừa nhận là chủ tài khoản số 67910000125XXX tại Ngân hàng BIDV nhưng nội dung chuyển khoản thanh toán của ông K trình bày trên là cho nhiều khoản vay khác. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cũng trình bày thêm một số khoản vay khác từ ông K để chứng minh cho lập luận của mình. Tuy nhiên, lời khai này chưa được kiểm tra, đối chất nên chưa đủ cơ sở kết luận.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận tài khoản tại ứng dụng Viber có số 0868888XXX là của ông K. Vi bằng số 64/2021 ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Văn phòng thừa phát lại Biên Hòa thể hiện trao đổi giữa nguyên đơn ông T và bị đơn ông K thông qua ứng dụng Viber có nhiều nội dung liên quan đến việc vay, nhận tiền, trả lãi, chốt nợ giữa các bên thể hiện việc vay tiền giữa ông T, ông K đã kéo dài nhiều năm, nhiều lần. Trong đó, nhiều giao dịch đã chấm dứt nhưng cũng có giao dịch chưa được các bên thống nhất thanh lý.

Như vậy, từ việc nguyên đơn cung cấp thêm chứng cứ mới là Vi bằng số 64/2021 ngày 28 tháng 4 năm 2021, cùng với các chứng cứ đã có trong hồ sơ

như sao kê tại Ngân hàng Sacombank, Ngân hàng BIDV làm phát sinh nhiều nội dung, tình tiết không thể làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm, cụ thể:

+ Các tình tiết, nội dung vay mượn tiền ghi nhận tại Vi bằng số 64/2021 liên quan đến việc xác định tồn tại khoản vay 500.000.000 đồng ngày 05 tháng 9 năm 2017. Đồng thời, cấp sơ thẩm chưa thực hiện việc đối chất giữa giữa các bên vay mượn và người giao tiền là ông Hoàng Cao Đ bởi nếu chỉ căn cứ vào lời khai làm chứng của ông Hoàng Cao Đ thì chưa đủ cơ sở xác định có việc giao số tiền trên cho ông K hay không.

+ Trong số tiền bị đơn đã chuyển khoản thông qua tài khoản Ngân hàng cho nguyên đơn thì số tiền gốc, lãi là bao nhiêu và thanh toán cho khoản vay nào làm cơ sở xác định nghĩa vụ thanh toán của bị đơn.

+ Có các khoản vay khác mà nguyên đơn xác định là đã được bị đơn thanh toán xong thông qua việc chuyển khoản tổng số tiền 501.500.000 đồng hay không.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của Đại diện viện kiểm sát về việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm do còn nhiều tình tiết chưa được làm rõ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6] Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho các bị đơn về việc xác định tư cách tố tụng của các đương sự ông Hoàng Cao Đ, bà Phạm Thị Kim D phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Do hủy bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không đánh giá các nội dung khác liên quan đến đường lối giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Cao K, hủy Bản án sơ thẩm số: 34/2020/DSST ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả ông Bùi Anh T 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009913 ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Hoàn trả ông Đỗ Cao K 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009887 ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS T.Đồng Nai;
- Chi cục THADSTP. Biên Hòa;
- TAND TP Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sự